

**TRƯỜNG THCS NGỌC THỤY
NHÓM VẬT LÝ**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN : VẬT LÝ 8**

Năm học: 2021 – 2022

Ngày kiểm tra: 27/10/2021

Thời gian làm bài: 45 phút

I/ MỤC TIÊU:

1/ Kiến thức:

- Học sinh nhận biết được khái niệm, tính chất và các dạng của chuyển động cơ học; nhớ công thức tính vận tốc, vận tốc trung bình; khái niệm hai lực cân bằng.
- Học sinh phân biệt được chuyển động đều và chuyển động không đều.
- Biết cách biểu diễn lực.
- Nhớ được các loại lực ma sát, phân biệt được các trường hợp lực ma sát có ích, lực ma sát có hại.
- Vận dụng được kiến thức giải bài tập tính toán.

2/ Kỹ năng:

- Giải thích các hiện tượng, giải bài tập tính toán.

3/ Thái độ:

- Nghiêm túc, trung thực trong giờ thi.

II/ MA TRẬN ĐỀ

Chủ đề	Nhận biết 40%		Thông hiểu 40%		Vận dụng 20%		Tổng
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
	1. Chuyển động	4		4		2	
		1,4đ		1,4đ		0,7đ	3,5đ
2. Vận tốc	2		2		1		5
		0,7đ		0,7đ		0,35đ	1,75đ
3. Biểu diễn lực	2		2		1		5
		0,7đ		0,7đ		0,35đ	1,75đ
4. Sự cân bằng lực – Quán tính	2		2		1		5
		0,6đ		0,6đ		0,3đ	1,5đ
5. Lực ma sát	2		2		1		5
		0,6đ		0,6đ		0,3đ	1,5đ
Tổng	12		12		6		30
		4đ		4đ		2đ	10đ

Người ra đề

TTCM duyệt

BGH duyệt

Nguyễn Thị Phương Huệ

Trần Thị Nguyên

Đặng Sỹ Đức

TRƯỜNG THCS NGỌC THỤY
NHÓM VẬT LÝ

ĐỀ 01

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: VẬT LÝ 8

Năm học: 2021 – 2022

Ngày kiểm tra: 27/10/2021

Thời gian làm bài: 45 phút

Chọn một đáp án đúng trong các đáp án của mỗi câu hỏi sau:

PHẦN I/20 câu (mỗi câu 0,35 điểm)

Câu 1: Chuyển động cơ học là

- A. sự thay đổi khoảng cách của vật so với vật khác theo thời gian.
- B. sự thay đổi phương chiều của vật theo thời gian.
- C. sự thay đổi vị trí của vật so với vật khác theo thời gian.
- D. sự thay đổi hình dạng của vật so với vật khác theo thời gian.

Câu 2: Chuyển động đều là chuyển động có độ lớn vận tốc

- A. không đổi theo thời gian.
- B. thay đổi theo thời gian.
- C. tăng dần theo thời gian.
- D. giảm dần theo thời gian.

Câu 3: Quỹ đạo chuyển động của một vật là

- A. đường mà vật chuyển động vạch ra trong không gian.
- B. đường thẳng vật chuyển động vạch ra trong không gian.
- C. đường tròn vật chuyển động vạch ra trong không gian.
- D. đường cong vật chuyển động vạch ra trong không gian.

Câu 4: Chuyển động và đứng yên có tính tương đối vì:

- A. Quỹ đạo vật đi được trong những khoảng thời gian khác nhau là khác nhau.
- B. Một vật có thể đứng yên so với vật này nhưng lại chuyển động so với vật khác.
- C. Vận tốc của vật so với các vật mốc khác nhau là như nhau.
- D. Dạng quỹ đạo chuyển động của vật không phụ thuộc vào vật chọn làm mốc.

Câu 5: Trong các chuyển động sau đây, chuyển động nào là chuyển động đều?

- A. Chuyển động của người đi xe đạp khi xuống dốc.
- B. Chuyển động của ô tô khi khởi hành.
- C. Chuyển động của đầu kim giờ đồng hồ.
- D. Chuyển động của đoàn tàu khi vào ga.

Câu 6: Dạng chuyển động của quả dừa rơi từ trên cây xuống là:

- A. chuyển động thẳng.
- B. chuyển động cong.
- C. chuyển động tròn.
- D. Vừa chuyển động cong vừa chuyển động thẳng.

Câu 7: Quan sát một đoàn tàu đang chuyển động vào ga, trong các câu mô tả sau đây, câu mô tả nào là **SAI**?

- A. Đoàn tàu đang chuyển động so với nhà ga.
- B. Đoàn tàu đang đứng yên so với người lái tàu.
- C. Đoàn tàu đang chuyển động so với hành khách đang ngồi trên tàu.
- D. Đoàn tàu đang chuyển động so với hành khách đang đứng dưới sân ga.

Câu 8: Chuyển động nào sau đây là chuyển động **KHÔNG** đều?

- A. Chuyển động của đầu kim giờ đồng hồ.
- B. Chuyển động của tàu đang chạy ổn định trên đường ray.
- C. Chuyển động của đầu cánh quạt khi chạy ổn định.
- D. Chuyển động của ô tô khi tăng tốc.

Câu 9. Khi một đoàn tàu đang rời ga, nhận xét nào sau đây **KHÔNG** đúng?

- A. Cột đèn bên đường chuyển động so với đoàn tàu.
- B. Đầu tàu chuyển động so với toa tàu.

C. Hành khách đang ngồi trên tàu không chuyển động so với đầu tàu.

D. Người soát vé đang đi trên tàu chuyển động so với đầu tàu.

Câu 10: Một người đi xe đạp trên quãng đường đầu dài 6km hết 0,5h . Ở đoạn đường sau dài 3km người đó đi hết 0,25h. Vận tốc trung bình của người đó trên cả hai quãng đường là

A. 10 km/h

B. 11 km/h

C. 12 km/h

D. 13 km/h

Câu 11: Công thức tính vận tốc là:

A. $v = \frac{s}{t}$

B. $v = \frac{t}{s}$

C. $v = s \cdot t$

D. $v = m/s$

Câu 12: Đơn vị nào sau đây **KHÔNG PHẢI** là đơn vị của vận tốc?

A. m/s

B. km/h

C. kg/m³

D. m/phút

Câu 13. Khi nói một vật luôn chuyển động với vận tốc 10km/h. Điều đó cho ta biết điều gì?

A. Quãng đường của vật đi được là 10km.

B. Thời gian chuyển động của vật là 1h.

C. Cứ mỗi giờ vật đi được quãng đường là 10km.

D. Thời gian để vật đi được 1km là 10h.

Câu 14: Khi nói đến vận tốc của các phương tiện giao thông như xe máy, ô tô, xe lửa, máy bay,... người ta nói đến

A. vận tốc tức thời.

C. vận tốc lớn nhất có thể đạt được của phương tiện đó.

B. vận tốc trung bình.

D. vận tốc nhỏ nhất có thể đạt được của phương tiện đó.

Câu 15: Một ô tô đi với vận tốc 60 km/h từ Hà Nội đến Quảng Ninh. Nếu quãng đường Hà Nội – Quảng Ninh dài 150 km thì máy bay phải bay trong bao nhiêu lâu?

A. 1 giờ 30 phút

B. 2 giờ

C. 2 giờ 30 phút

D. 3 giờ

Câu 16: Muốn biểu diễn một véc tơ lực chúng ta cần phải biết các yếu tố:

A. Phương, chiều.

B. Điểm đặt, phương, chiều.

C. Điểm đặt, phương, độ lớn.

D. Điểm đặt, phương, chiều và độ lớn.

Câu 17: Khi chịu lực tác dụng,

A. vật chỉ bị biến dạng.

B. vật chỉ thay đổi chuyển động.

C. vật không bị thay đổi chuyển động và không bị biến dạng.

D. vật có thể bị thay đổi chuyển động hoặc bị biến dạng hoặc cả hai.

Câu 18: Trong các chuyển động dưới đây, chuyển động nào do tác dụng của trọng lực?

A. Xe đi trên đường.

B. Thác nước đổ từ trên cao xuống.

C. Mũi tên bắn ra từ cánh cung.

D. Quả bóng bị nảy bật lên khi chạm đất.

Câu 19: Trường hợp nào dưới đây cho ta biết khi chịu tác dụng của lực, vật vừa bị biến dạng vừa bị biến đổi chuyển động?

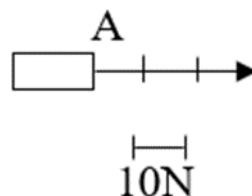
A. Con lắc đồng hồ.

B. Sau khi đập vào mặt vợt, quả bóng tennis bị bật ngược trở lại.

C. Một vật đang rơi từ trên cao xuống.

D. Khi hãm phanh xe đạp chạy chậm dần.

Câu 20: Câu nào mô tả lực \vec{F} tác dụng vào vật như hình vẽ là đúng?



A. Lực \vec{F} tác dụng vào vật tại điểm A có chiều sang phải, cường độ $F = 30N$.

B. Lực \vec{F} tác dụng vào vật tại điểm A có phương nằm ngang, chiều từ trái sang phải, cường độ $F = 30\text{N}$.

C. Lực \vec{F} tác dụng vào vật tại điểm A có phương nằm ngang, cường độ $F = 30\text{N}$.

D. Lực \vec{F} tác dụng vào vật tại điểm A có chiều nằm ngang, cường độ $F = 30\text{N}$.

PHẦN II/10 câu (mỗi câu 0,3 điểm)

Câu 21: Trạng thái của vật sẽ như thế nào khi chịu tác dụng của hai lực cân bằng?

A. Vật đang đứng yên sẽ chuyển động.

B. Vật đang chuyển động sẽ chuyển động chậm lại.

C. Vật đang chuyển động sẽ chuyển động nhanh lên.

D. Vật đang chuyển động sẽ tiếp tục chuyển động thẳng đều.

Câu 22: Trong các chuyển động sau chuyển động nào là chuyển động do quán tính?

A. Hòn đá lăn từ trên núi xuống.

B. Xe máy chạy trên đường.

C. Lá rơi từ trên cao xuống.

D. Xe đạp chạy sau khi thôi không đạp xe nữa.

Câu 23: Khi có lực tác dụng, mọi vật đều không thể thay đổi vận tốc đột ngột được vì mọi vật đều có

A. ma sát.

B. trọng lực.

C. quán tính.

D. đàn hồi.

Câu 24: Một xe ô tô đang chuyển động thẳng thì đột ngột rẽ trái. Hành khách trên xe sẽ như thế nào?

A. Hành khách nghiêng sang phải.

B. Hành khách nghiêng sang trái.

C. Hành khách ngã về phía trước.

D. Hành khách ngã về phía sau.

Câu 25: Khi xe đạp xuống dốc muốn dừng lại một cách an toàn ta nên hãm phanh bánh xe nào?

A. Bánh sau.

B. Đồng thời cả hai bánh.

C. Bánh trước.

D. Bánh trước hoặc bánh sau đều được.

Câu 26: Có mấy loại lực ma sát?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 27: Khi xe đang chuyển động, muốn xe đứng lại, người ta dùng phanh xe để

A. tăng ma sát trượt.

B. tăng ma sát lăn.

C. tăng ma sát nghỉ.

D. tăng quán tính.

Câu 28: Trong các cách làm sau đây, cách nào làm giảm lực ma sát?

A. Tăng độ nhám của bề mặt tiếp xúc.

B. Tăng lực ép lên mặt tiếp xúc.

C. Tăng độ nhẵn giữa các mặt tiếp xúc.

D. Đồng thời tăng độ nhám và tăng lực ép lên mặt tiếp xúc.

Câu 29: Lực nào sau đây **KHÔNG** phải là lực ma sát?

A. Lực xuất hiện khi bánh xe trượt trên mặt đường.

B. Lực xuất hiện khi lốp xe đạp lăn trên mặt đường.

C. Lực của dây cung tác dụng lên mũi tên khi bắn.

D. Lực xuất hiện khi các chi tiết máy cọ xát với nhau.

Câu 30: Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về lực ma sát?

A. Lực ma sát lăn cản trở chuyển động của vật này trượt trên vật khác.

B. Khi vật chuyển động chậm dần, lực ma sát nhỏ hơn lực đẩy.

C. Lực ma sát lăn nhỏ hơn lực ma sát trượt.

D. Khi vật chuyển động nhanh dần, lực ma sát lớn hơn lực đẩy.

TRƯỜNG THCS NGỌC THỤY
NHÓM VẬT LÝ

ĐỀ 02

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: VẬT LÝ 8

Năm học: 2021 – 2022

Ngày kiểm tra: 27/10/2021

Thời gian làm bài: 45 phút

Chọn một đáp án đúng trong các đáp án của mỗi câu hỏi sau:

PHẦN I/20 câu (mỗi câu 0,35 điểm)

Câu 1: Chuyển động cơ học là

- A. sự thay đổi khoảng cách của vật so với vật khác theo thời gian.
- B. sự thay đổi phương chiều của vật theo thời gian.
- C. sự thay đổi vị trí của vật so với vật khác theo thời gian.
- D. sự thay đổi hình dạng của vật so với vật khác theo thời gian.

Câu 2: Chuyển động đều là chuyển động có độ lớn vận tốc

- A. không đổi theo thời gian.
- B. thay đổi theo thời gian.
- C. tăng dần theo thời gian.
- D. giảm dần theo thời gian.

Câu 3: Quỹ đạo chuyển động của một vật là

- A. đường mà vật chuyển động vạch ra trong không gian.
- B. đường thẳng vật chuyển động vạch ra trong không gian.
- C. đường tròn vật chuyển động vạch ra trong không gian.
- D. đường cong vật chuyển động vạch ra trong không gian.

Câu 4: Chuyển động và đứng yên có tính tương đối vì:

- A. Quỹ đạo vật đi được trong những khoảng thời gian khác nhau là khác nhau.
- B. Một vật có thể đứng yên so với vật này nhưng lại chuyển động so với vật khác.
- C. Vận tốc của vật so với các vật mốc khác nhau là như nhau.
- D. Dạng quỹ đạo chuyển động của vật không phụ thuộc vào vật chọn làm mốc.

Câu 5: Trong các chuyển động sau đây, chuyển động nào là chuyển động đều?

- A. Chuyển động của người đi xe đạp khi xuống dốc.
- B. Chuyển động của ô tô khi khởi hành.
- C. Chuyển động của đầu kim giờ đồng hồ.
- D. Chuyển động của đoàn tàu khi vào ga.

Câu 6: Dạng chuyển động của quả dừa rơi từ trên cây xuống là:

- A. chuyển động thẳng.
- B. chuyển động cong.
- C. chuyển động tròn.
- D. Vừa chuyển động cong vừa chuyển động thẳng.

Câu 7: Quan sát một đoàn tàu đang chuyển động vào ga, trong các câu mô tả sau đây, câu mô tả nào là **SAI**?

- A. Đoàn tàu đang chuyển động so với nhà ga.
- B. Đoàn tàu đang đứng yên so với người lái tàu.
- C. Đoàn tàu đang chuyển động so với hành khách đang ngồi trên tàu.
- D. Đoàn tàu đang chuyển động so với hành khách đang đứng dưới sân ga.

Câu 8: Chuyển động nào sau đây là chuyển động **KHÔNG** đều?

- A. Chuyển động của đầu kim giờ đồng hồ.
- B. Chuyển động của tàu đang chạy ổn định trên đường ray.
- C. Chuyển động của đầu cánh quạt khi chạy ổn định.
- D. Chuyển động của ô tô khi tăng tốc.

Câu 9. Khi một đoàn tàu đang rời ga, nhận xét nào sau đây **KHÔNG** đúng?

- A. Cột đèn bên đường chuyển động so với đoàn tàu.

- B. Đầu tàu chuyển động so với toa tàu.
 C. Hành khách đang ngồi trên tàu không chuyển động so với đầu tàu.
 D. Người soát vé đang đi trên tàu chuyển động so với đầu tàu.

Câu 10: Một người đi xe đạp trên quãng đường đầu dài 18km hết 1,5h . Ở đoạn đường sau dài 8km người đó đi hết 0,5h. Vận tốc trung bình của người đó trên cả hai quãng đường là

- A. 10 km/h B. 11 km/h C. 12 km/h D. 13 km/h

Câu 11: Công thức tính vận tốc là:

- A. $v = \frac{s}{t}$ B. $v = \frac{t}{s}$ C. $v = s.t$ D. $v = m/s$

Câu 12: Đơn vị nào sau đây **KHÔNG PHẢI** là đơn vị của vận tốc?

- A. m/s B. km/h C. kg/m³ D. m/phút

Câu 13: Khi nói một vật luôn chuyển động với vận tốc 60km/h. Điều đó cho ta biết điều gì?

- A. Quãng đường của vật đi được là 60km.
 B. Thời gian chuyển động của vật là 1h.
 C. Cứ mỗi giờ vật đi được quãng đường là 60km.
 D. Thời gian để vật đi được 1km là 60h.

Câu 14: Khi nói đến vận tốc của các phương tiện giao thông như xe máy, ô tô, xe lửa, máy bay,... người ta nói đến

- A. vận tốc tức thời. C. vận tốc lớn nhất có thể đạt được của phương tiện đó.
 B. vận tốc trung bình. D. vận tốc nhỏ nhất có thể đạt được của phương tiện đó.

Câu 15: Một ô tô đi với vận tốc 50 km/h từ Hà Nội đến Quảng Ninh. Nếu quãng đường Hà Nội – Quảng Ninh dài 75 km thì máy bay phải bay trong bao nhiêu lâu?

- A. 1 giờ 30 phút B. 2 giờ C. 2 giờ 30 phút D. 3 giờ

Câu 16: Muốn biểu diễn một véc tơ lực chúng ta cần phải biết các yếu tố:

- A. Phương, chiều. B. Điểm đặt, phương, chiều.
 C. Điểm đặt, phương, độ lớn. D. Điểm đặt, phương, chiều và độ lớn.

Câu 17: Khi chịu lực tác dụng,

- A. vật chỉ bị biến dạng.
 B. vật chỉ thay đổi chuyển động.
 C. vật không bị thay đổi chuyển động và không bị biến dạng.
 D. vật có thể bị thay đổi chuyển động hoặc bị biến dạng hoặc cả hai.

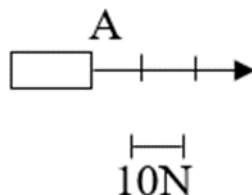
Câu 18: Trong các chuyển động dưới đây, chuyển động nào do tác dụng của trọng lực?

- A. Xe đi trên đường. B. Thác nước đổ từ trên cao xuống.
 C. Mũi tên bắn ra từ cánh cung. D. Quả bóng bị nảy bật lên khi chạm đất.

Câu 19: Trường hợp nào dưới đây cho ta biết khi chịu tác dụng của lực, vật vừa bị biến dạng vừa bị biến đổi chuyển động?

- A. Con lắc đồng hồ.
 B. Sau khi đập vào mặt vợt, quả bóng tennis bị bật ngược trở lại.
 C. Một vật đang rơi từ trên cao xuống.
 D. Khi hãm phanh xe đạp chạy chậm dần.

Câu 20: Câu nào mô tả lực \vec{F} tác dụng vào vật như hình vẽ là đúng?



- A. Lực \vec{F} tác dụng vào vật tại điểm A có chiều sang phải, cường độ $F = 30\text{N}$.
- B. Lực \vec{F} tác dụng vào vật tại điểm A có phương nằm ngang, chiều từ trái sang phải, cường độ $F = 30\text{N}$.
- C. Lực \vec{F} tác dụng vào vật tại điểm A có phương nằm ngang, cường độ $F = 30\text{N}$.
- D. Lực \vec{F} tác dụng vào vật tại điểm A có chiều nằm ngang, cường độ $F = 30\text{N}$.

PHẦN II/10 câu (mỗi câu 0,3 điểm)

Câu 21: Trạng thái của vật sẽ như thế nào khi chịu tác dụng của hai lực cân bằng?

- A. Vật đang đứng yên sẽ chuyển động.
- B. Vật đang chuyển động sẽ chuyển động chậm lại.
- C. Vật đang chuyển động sẽ chuyển động nhanh lên.
- D. Vật đang chuyển động sẽ tiếp tục chuyển động thẳng đều.

Câu 22: Trong các chuyển động sau chuyển động nào là chuyển động do quán tính?

- A. Hòn đá lăn từ trên núi xuống. B. Xe máy chạy trên đường.
- C. Lá rơi từ trên cao xuống. D. Xe đạp chạy sau khi thôi không đạp xe nữa.

Câu 23: Khi có lực tác dụng, mọi vật đều không thể thay đổi vận tốc đột ngột được vì mọi vật đều có

- A. ma sát. B. trọng lực. C. quán tính. D. đàn hồi.

Câu 24: Một xe ô tô đang chuyển động thẳng thì đột ngột dừng lại. Hành khách trên xe sẽ như thế nào?

- A. Hành khách nghiêng sang phải. B. Hành khách nghiêng sang trái.
- C. Hành khách ngã về phía trước. D. Hành khách ngã về phía sau.

Câu 25: Khi xe đạp xuống dốc muốn dừng lại một cách an toàn ta nên hãm phanh bánh xe nào?

- A. Bánh sau. B. Đồng thời cả hai bánh.
- C. Bánh trước. D. Bánh trước hoặc bánh sau đều được.

Câu 26: Có mấy loại lực ma sát?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 27: Khi xe đang chuyển động, muốn xe đứng lại, người ta dùng phanh xe để

- A. tăng ma sát trượt. B. tăng ma sát lăn.
- C. tăng ma sát nghỉ. D. tăng quán tính.

Câu 28: Trong các cách làm sau đây, cách nào làm giảm lực ma sát?

- A. Tăng độ nhám của bề mặt tiếp xúc.
- B. Tăng lực ép lên mặt tiếp xúc.
- C. Tăng độ nhẵn giữa các mặt tiếp xúc.
- D. Đồng thời tăng độ nhám và tăng lực ép lên mặt tiếp xúc.

Câu 29: Lực nào sau đây **KHÔNG** phải là lực ma sát?

- A. Lực xuất hiện khi bánh xe trượt trên mặt đường.
- B. Lực xuất hiện khi lốp xe đạp lăn trên mặt đường.
- C. Lực của dây cung tác dụng lên mũi tên khi bắn.
- D. Lực xuất hiện khi các chi tiết máy cọ xát với nhau.

Câu 30: Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về lực ma sát?

- A. Lực ma sát lăn cản trở chuyển động của vật này trượt trên vật khác.
- B. Khi vật chuyển động chậm dần, lực ma sát nhỏ hơn lực đẩy.
- C. Lực ma sát lăn nhỏ hơn lực ma sát trượt.
- D. Khi vật chuyển động nhanh dần, lực ma sát lớn hơn lực đẩy.

-----Hết-----

TRƯỜNG THCS NGỌC THỤY
NHÓM VẬT LÝ

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: VẬT LÝ 8

Năm học: 2021 – 2022
Ngày kiểm tra: 27/10/2021
Thời gian làm bài: 45 phút

ĐỀ 01

PHẦN I/20 câu (mỗi câu 0,35 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	C	A	A	B	C	A	C	D	B	C
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	A	C	C	B	C	D	D	B	B	B

PHẦN II/10 câu (mỗi câu 0,3 điểm)

Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	D	D	C	A	A	C	A	C	C	C

ĐỀ 02

PHẦN I/20 câu (mỗi câu 0,35 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	C	A	A	B	C	A	C	D	B	D
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	A	C	C	B	A	D	D	B	B	B

PHẦN II/10 câu (mỗi câu 0,3 điểm)

Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	D	D	C	C	A	C	A	C	C	C